

Số: ~~487/1~~ /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác
công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV KTCTTL
Bắc Hưng Hải quản lý**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ/BNN-KH ngày 21/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý;

Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 2639/LĐT BXH-LĐTL ngày 25/7/2014 và Bộ Tài chính tại Văn bản số 9552/BTC-TCDN ngày 15/7/2014;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải tại Tờ trình số 180/TTr-BHH-KT ngày 27/6/2014 về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, kèm theo Báo cáo thẩm định số 161/BC-TCTL-QLCT ngày 23 tháng 9 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quy định áp dụng Định mức kinh tế kỹ thuật

1. Định mức kinh tế kỹ thuật là căn cứ để lập và quản lý kế hoạch, đặt hàng, đấu thầu công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, thanh quyết toán các khoản mục chi phí quản lý, vận hành các công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải quản lý.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng và áp dụng trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp xảy ra thiên tai, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải báo cáo Bộ để điều chỉnh, bổ sung chi phí theo quy định hiện hành của nhà nước.



3. Trong quá trình thực hiện định mức, nếu có vướng mắc, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải tổng hợp, báo cáo Bộ xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 488/QĐ/BNN-KH ngày 21/02/2006.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Quản lý doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Chủ tịch, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để B/c);
- Lưu VT, TCTL.


BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục

Định mức tiêu hao điện năng trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty Dịch vụ tưới tiêu hạn MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số: *487*/QĐ-BNN-TCTL ngày *10* tháng *11* năm *2014* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm

Định mức lao động bình quân toàn Công ty là **0,379** công/ha-năm. Diện tích tính toán là diện tích tưới tiêu (ha) tạo nguồn cho nông nghiệp được nghiệm thu.

2. Định mức điện năng cho bơm tiêu vụ Mùa

a) Định mức điện năng bơm tiêu vụ Mùa ứng với lượng mưa vụ Mùa 1021,6 mm, tần suất P = 25% như sau:

Trạm bơm	Định mức (Kwh/ha)	
	Lúa	Phi canh tác
My Động	71,29	81,27

b) Khi lượng mưa thực tế thay đổi (khác mức tính toán trên), định mức điện năng bơm tiêu được nhân với hệ số điều chỉnh (K) ở Bảng 2.1, Bảng 2.2:

Bảng 2.1. Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng cho bơm tiêu cho lúa vụ mùa theo lượng mưa

Lượng mưa (mm)	800	820	840	860	880	900	920	940	960	980	1000	1020	1040
K	0,760	0,781	0,802	0,823	0,844	0,865	0,886	0,907	0,928	0,949	0,970	0,990	1,011
Lượng mưa (mm)	1060	1080	1100	1120	1140	1160	1180	1200	1220	1240	1260	1280	1300
K	1,032	1,053	1,074	1,095	1,116	1,137	1,158	1,179	1,200	1,221	1,242	1,263	1,284

Bảng 2.2. Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng cho bơm tiêu cho phi canh tác vụ mùa theo lượng mưa

Lượng mưa (mm)	800	820	840	860	880	900	920	940	960	980	1000	1020	1040
K	0,756	0,774	0,793	0,812	0,832	0,852	0,873	0,895	0,916	0,938	0,961	0,983	1,006
Lượng mưa (mm)	1060	1080	1100	1120	1140	1160	1180	1200	1220	1240	1260	1280	1300
K	1,029	1,052	1,075	1,097	1,120	1,142	1,165	1,186	1,208	1,229	1,249	1,269	1,289

tu

3. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

Định mức chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được tính bằng 39,09% so với tổng chi phí quản lý, vận hành cho công tác tưới và tiêu nước.

4. Định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi

a) Định mức tổng hợp toàn Công ty:

TT	Loại vật tư nguyên nhiên liệu	Đơn vị	Định mức
1	Dầu ma rút	Lít/năm	1.308,8
2	Mỡ IC2	Kg/năm	2.232,8
3	Mỡ I-13	Kg/năm	75,2
4	Dầu nhờn	Lít/năm	956,5
5	Dầu nhớt HP50	Lít/năm	576,1
6	Xăng công nghiệp	Lít/năm	60,0
7	Rẻ lau	Kg/năm	1.141,1
8	Điện vận hành công	Kw/năm	104.099

b) Định mức chi tiết cho từng đơn vị:

T T	Tên trạm quản lý	Dầu ma rút (lít)	Mỡ IC2 (kg)	Mỡ I13 (kg)	Dầu nhờn (lít)	Dầu nhớt HP50 (lít)	Xăng công nghiệp (lít)	Rẻ lau (kg)	Điện vận hành công cổng (kw)
1	Xuân Quan	240,3	342,8		223,0			252,7	26.483
2	Điện Biên	115,3	196,9		165,4			118,1	5.351
3	Sông Sắt	197,5	352,6		172,0			146,9	20.906
4	Neo My Động	479,9	925,5	75,2	226,1	576,1	60,0	405,0	14.305
5	Cầu Xe - An Thổ	275,9	415,0		170,0			218,3	37.055

5. Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp

a) Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp được tính bằng 6,24 % so với tổng chi phí quản lý vận hành cho công tác tưới nước và tiêu nước.

b) Chi phí quản lý Doanh nghiệp cho các hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi tính theo quy định hiện hành.

Handwritten signature